

**BÁO CÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÂN BỐ KINH PHÍ KHOẢN CHO
CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC NĂM 2023 (Đến ngày 29.12.2023)
(Đính kèm Công văn số 1629/TCKT3 ngày 29/12/2023 của Vụ TCKT)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng kinh phí giao khoản đến 29.12.2023
1	Sở Giao Dịch	29.467
2	NHNN CN An Giang	12.919
3	NHNN CN Bà Rịa Vũng Tàu	17.943
4	NHNN CN Bạc Liêu	10.209
5	NHNN CN Bắc Cạn	10.856
6	NHNN CN Bắc Giang	10.915
7	NHNN CN Bắc Ninh	14.322
8	NHNN CN Bến Tre	9.186
9	NHNN CN Bình Dương	12.062
10	NHNN CN Bình Định	16.465
11	NHNN CN Bình Phước	10.506
12	NHNN CN Bình Thuận	10.877
13	NHNN CN Cà Mau	10.082
14	NHNN CN Cao Bằng	10.047
15	NHNN CN TP Cần Thơ	16.832
16	NHNN CN TP Đà Nẵng	18.673
17	NHNN CN Đắk Lắk	15.348
18	NHNN CN Đắk Nông	11.607
19	NHNN CN Điện Biên	10.328
20	NHNN CN Đồng Nai	13.304
21	NHNN CN Đồng Tháp	9.668
22	NHNN CN Gia Lai	12.341
23	NHNN CN Hà Giang	12.046
24	NHNN CN Hà Nam	12.306
25	NHNN CN TP Hà Nội	39.322
26	NHNN CN Hà Tĩnh	12.197
27	NHNN CN Hải Dương	15.299
28	NHNN CN TP Hải Phòng	15.663
29	NHNN CN Hậu Giang	9.361
30	NHNN CN Hòa Bình	11.987
31	NHNN CN Thừa Thiên Huế	11.497
32	NHNN CN Hưng Yên	12.158
33	NHNN CN Kiên Giang	13.089
34	NHNN CN Kon Tum	11.178
35	NHNN CN Khánh Hòa	12.253
36	NHNN CN Lai Châu	10.906
37	NHNN CN Lạng Sơn	10.501

38	NHNN CN Lào Cai	12.623
39	NHNN CN Lâm Đồng	12.849
40	NHNN CN Long An	12.483
41	NHNN CN Nam Định	13.504
42	NHNN CN Ninh Bình	11.950
43	NHNN CN Ninh Thuận	9.758
44	NHNN CN Nghệ An	18.569
45	NHNN CN Phú Thọ	14.321
46	NHNN CN Phú Yên	9.491
47	NHNN CN Quảng Bình	11.219
48	NHNN CN Quảng Nam	11.177
49	NHNN CN Quảng Ninh	14.457
50	NHNN CN Quảng Ngãi	10.782
51	NHNN CN Quảng Trị	11.273
52	NHNN CN Sóc Trăng	9.755
53	NHNN CN Sơn La	11.701
54	NHNN CN Tây Ninh	10.942
55	NHNN CN Tiền Giang	10.877
56	NHNN CN TP HCM	48.970
57	NHNN CN Tuyên Quang	11.172
58	NHNN CN Thái Bình	15.806
59	NHNN CN Thái Nguyên	12.120
60	NHNN CN Thanh Hóa	14.084
61	NHNN CN Trà Vinh	10.672
62	NHNN CN Vĩnh Long	11.153
63	NHNN CN Vĩnh Phúc	14.478
64	NHNN CN Yên Bái	13.164
65	Cục Công nghệ Thông tin	29.244
66	Cục Quản trị	312.446
67	Chi cục Quản trị	34.913
68	Chi cục Công nghệ thông tin	6.242
69	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	16.469
70	Cơ quan TTGS Ngân hàng	120.813
71	Cục Phát hành và Kho quỹ	34.879

